

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước dự báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với mức tăng GDP năm 2021 trong khoảng 6.1%-6.7%

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tiếp tục mở rộng đà tăng, tương đồng với TTCK cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PVD, QNS

[Quan điểm đầu tư]

Tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, kết hợp mua/bán trading quay vòng 1 phần nhỏ ngắn hạn (lưu ý vùng hỗ trợ gần quanh 1100)

05/01/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,132.55	+1.08
VN30	1,104.30	+1.14
HĐTL VN30F1M	1,111.00	+0.14
HNXIndex	208.13	+0.90
HNX30	340.02	+1.26
UPCoM	74.43	+0.31
USD/VND	23,098	+0.10
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.36	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.17	+8
Dầu (WTI, \$)	47.70	+0.17
Vàng (LME, \$)	1,943.19	+0.01

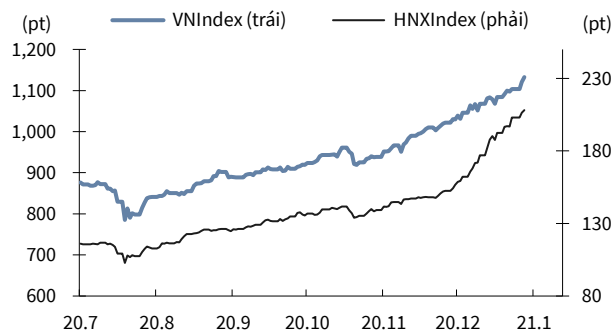


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,132.55 (+1.08%)
KLGD (triệu CP)	710.2 (+8.0%)
GTGD (triệu US\$)	702.1 (-0.3%)
HNXIndex	208.13 (+0.90%)
KLGD (triệu CP)	123.5 (+17.2%)
GTGD (triệu US\$)	74.9 (+16.8%)
UPCoM	74.43 (+0.31%)
KLGD (triệu CP)	46.6 (-8.5%)
GTGD (triệu US\$)	27.8 (+6.6%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	+22.4

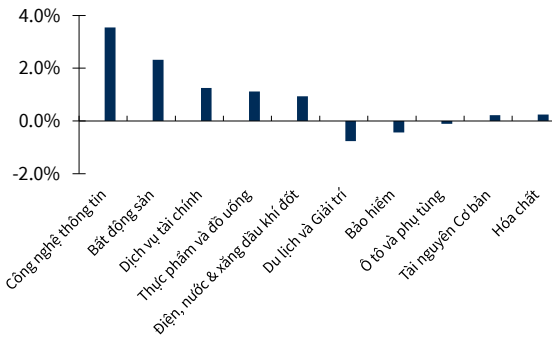
TTCK Việt Nam tăng điểm trước dự báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với mức tăng GDP năm 2021 trong khoảng 6.1%-6.7%, cao hơn mức mục tiêu 6% do Quốc hội đề ra trước đó. Cổ phiếu ngân hàng phản ứng tích cực trước thông tin trên MBB (+5%), STB (+0.9%). Dự án sân bay quốc tế Long Thành giai đoạn 1 vừa chính thức được khởi công khiến cổ phiếu nhóm nguyên vật liệu tăng giá như KSB (+3.9%), HT1 (+3.6%). Cổ phiếu nhóm thủy sản tăng giá ở TS4 (+2.3%), MPC (+0.7%) trước thông tin Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn vừa có Tờ trình về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với nhiều mục tiêu tham vọng. Thủ tướng Chính phủ vừa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị sinh thái Dream City, có quy mô hơn 445 ha với tổng vốn đầu tư dự kiến 37,994 tỷ đồng do CTCP Vinhomes làm chủ đầu tư giúp tăng giá ở VHM (+3.9%) và VIC (+1.6%). Khối ngoại quay trở lại mua ròng mạnh ở VRE (+5.21%), VHM (+3.91%), MBB (+5.01%).

VNIndex & HNXIndex



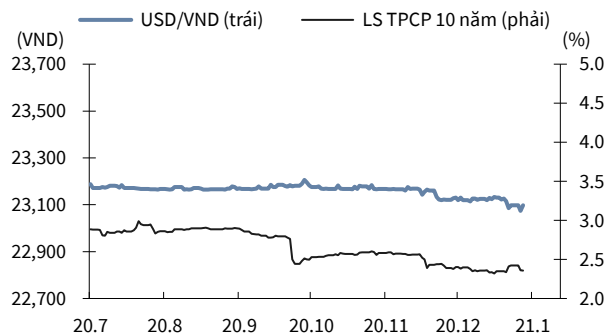
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

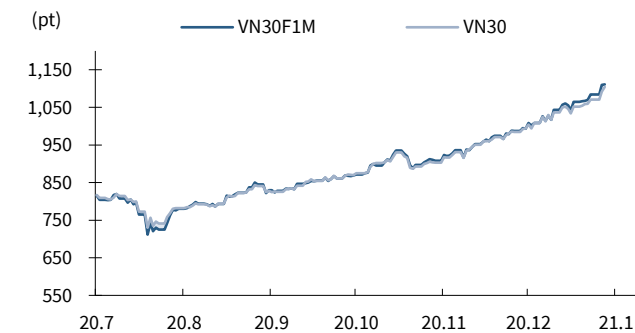
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,104.30 (+1.14%)
VN30F1M	1,111.0 (+0.14%)
Mở cửa	1,106.5
Cao nhất	1,115.7
Thấp nhất	1,100.1

HĐTL tiếp tục mở rộng đà tăng, tương đồng với TTCK cơ sở trước các thông tin vĩ mô quý 4 tích cực. Chênh lệch F2101 và VN30 mở cửa ở mức 15.3 trước khi thu hẹp dần và đóng cửa ở mức 6.7. NĐTNN tiếp tục mua ròng trong phiên hôm nay và thanh khoản được cải thiện.

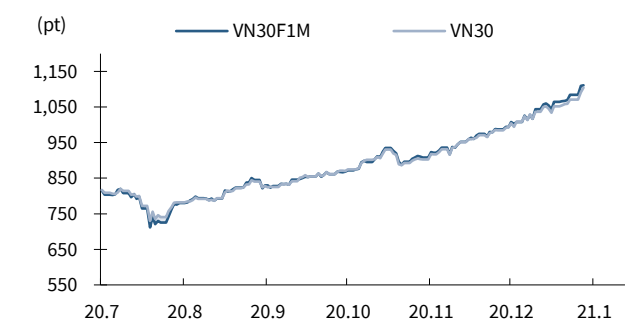
KLGD (HĐ) 152,563 (+30.4%)

HĐTL VN30F1M & VN30



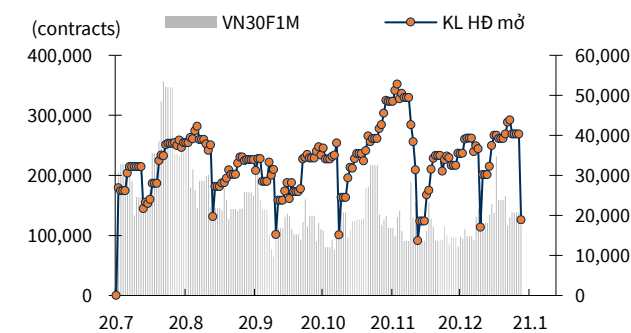
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



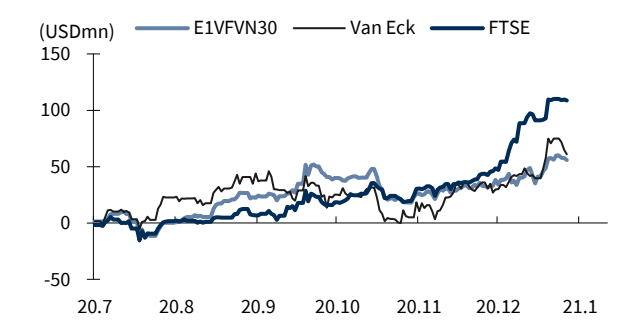
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

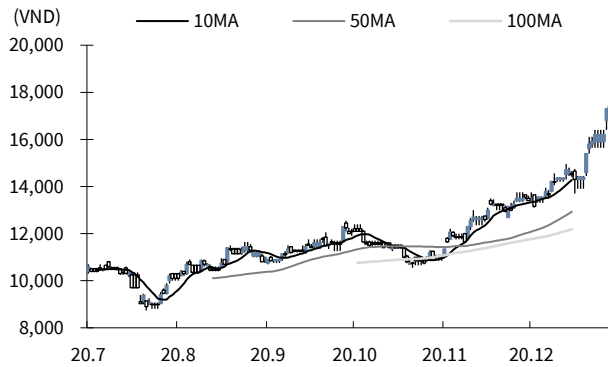
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

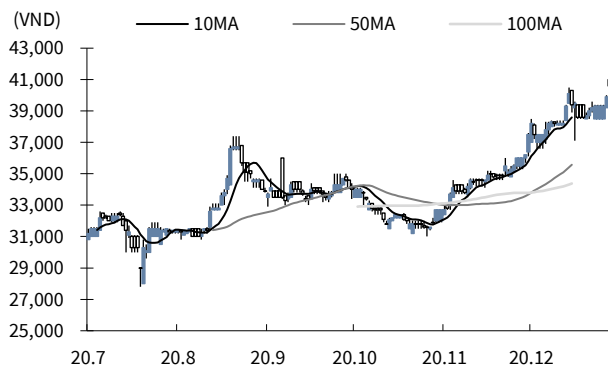
Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PVD tăng 0.6% lên 17,400 VNĐ/cp.
- Tại Hội nghị Tổng kết năm 2020, triển khai kế hoạch hoạt động năm 2021, PVD công bố doanh thu hợp nhất ước đạt 5,400 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch đề ra. Sang năm 2021, ban lãnh đạo dự báo thị trường dầu khí còn chịu nhiều tác động tiêu cực, khó lường từ đại dịch Covid - 19.

Đường Quảng Ngãi (QNS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- QNS tăng 2% lên 40,600 VNĐ/cp.
- QNS thông báo kết quả kinh doanh ước tính năm 2020 với lợi nhuận đạt 1,037.5 tỷ đồng (-20% YoY), vượt 14% kế hoạch năm và doanh thu 6,835 tỷ đồng (-11% YoY), đạt 81% kế hoạch năm. Công ty xây dựng kế hoạch năm 2021 thận trọng với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế giảm 12% về 913 tỷ đồng và doanh thu hợp nhất là 8,000 tỷ đồng, tăng 17% so với ước tính năm 2020.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

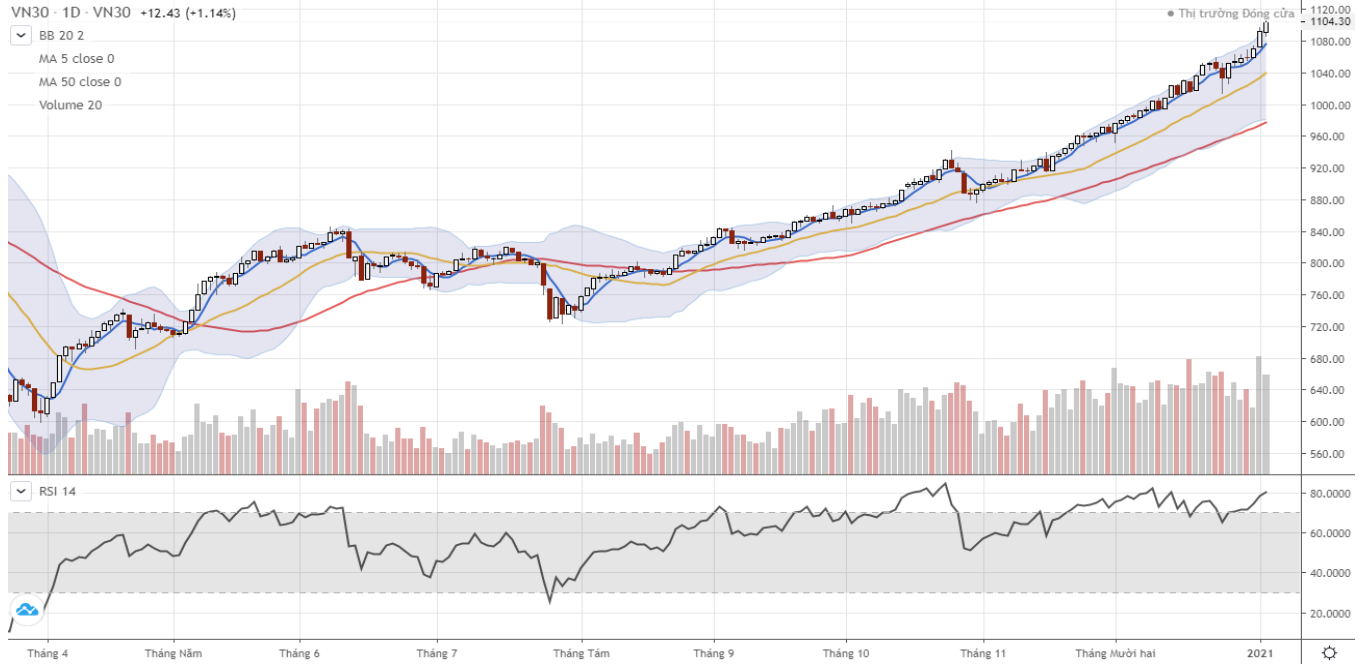
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



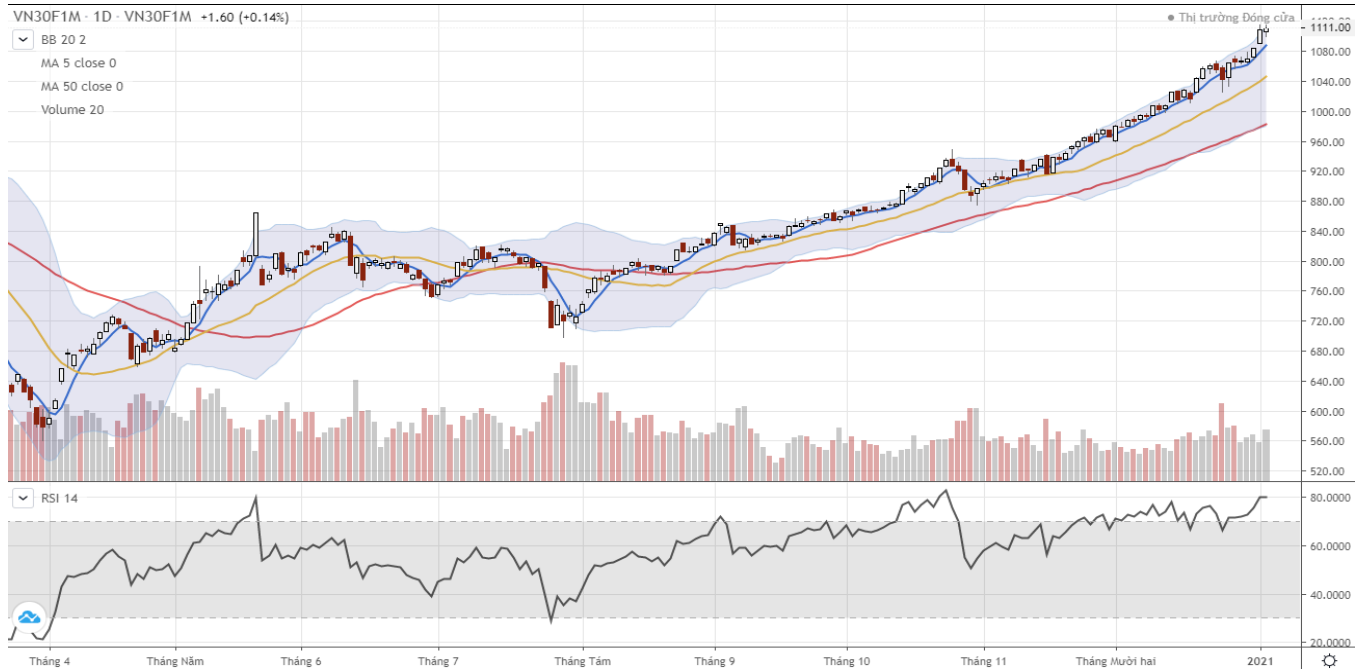
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex hồi phục khá nhanh sau nhịp rung lắc đầu phiên trước khi tiếp tục mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Mặc dù rủi ro xuất hiện nhịp điều chỉnh ngắn hạn đang tăng dần sau chuỗi phiên tăng nóng nhưng xu hướng tăng vẫn đang đóng vai trò chi phối chủ đạo.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, kết hợp mua/bán trading quay vòng 1 phần nhỏ ngắn hạn (lưu ý vùng hỗ trợ gần quanh 1100).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1019 - 1022

Kháng cự gần: 1114 - 1116

Hỗ trợ gần: 1107 - 1109

Hỗ trợ xa: 1096 - 1099

- Sau nhịp giảm điểm vào đầu phiên, F1 đã sớm lấy lại đà hồi phục trước khi diễn biến giằng co về cuối phiên.
- Diễn biến rung lắc có thể là tín hiệu cho thấy xung lực tăng điểm đang có phần suy yếu. Tuy nhiên, đây chỉ là tín hiệu cảnh báo sớm và khả năng điều chỉnh chỉ trở nên rõ nét hơn nếu F1 xuất hiện thêm 1 phiên giảm điểm vào ngày mai. Về tổng thể, xu hướng tăng vẫn đang đóng vai trò chủ đạo.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều trong phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ nhịp điều chỉnh rõ nét trước khi mở lại vị thế LONG qua đêm.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

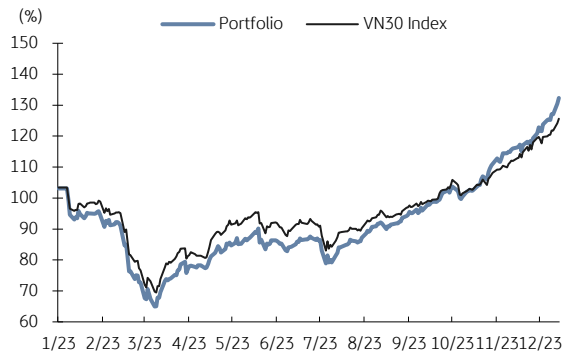
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.14%	1.44%
Tăng lũy kế (YTD)	25.62%	32.32%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 05/01/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	121,900	1.1%	5.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	29,800	0.2%	21.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	81,300	-0.5%	6.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	25,150	5.0%	46.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	50,200	-0.2%	47.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	62,700	4.2%	87.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	35,400	-0.3%	45.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	90,000	1.4%	22.6%	- Hướng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	42,350	0.1%	116.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	27,000	3.4%	97.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VRE	5.2%	30.4%	167.5
VHM	3.9%	22.1%	79.0
MBB	5.0%	22.9%	73.9
NVL	-0.2%	5.4%	66.3
VNM	2.3%	57.8%	54.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VND	-1.6%	31.6%	-60.4
BSI	6.8%	5.9%	-56.6
CTG	-0.3%	28.9%	-48.0
KBC	3.5%	16.0%	-31.5
PVD	0.6%	9.6%	-17.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SZB	-0.9%	4.6%	0.9
BAX	-1.3%	5.9%	0.7
KLF	0.0%	0.2%	0.6
SHB	2.9%	6.5%	0.4
MBS	0.6%	0.1%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BVS	10.0%	17.8%	-3.8
VCS	0.2%	3.4%	-1.5
SHS	0.4%	7.4%	-1.4
GLT	-3.0%	20.3%	-0.5
PVS	-0.5%	10.8%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	6.7%	VCI, SSI
Công nghệ thông tin	6.5%	FPT, CMG
Bán lẻ	3.9%	MWG, DGW
Bất động sản	3.8%	VHM, VIC
Ngân hàng	3.7%	TCB, MBB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-1.0%	BVH, BIC
Du lịch và Giải trí	-0.2%	VJC, HOT
Ô tô và phụ tùng	0.5%	TCH, CTF
Truyền thông	0.7%	AAA, PNC
Hóa chất	0.8%	TPC, VAF

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	34.4%	SSI, VCI
Hóa chất	31.5%	DCM, DGC
Bảo hiểm	14.3%	BVH, BIC
Ngân hàng	12.8%	TCB, VCB
Xây dựng và Vật Liệu	12.4%	VCG, CII

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	0.9%	AAA, PNC
Thực phẩm và đồ uống	2.8%	SAB, VHC
Y tế	3.6%	DHG, VDP
Du lịch và Giải trí	5.7%	DAH, DSN
Hàng cá nhân & Gia dụng	6.3%	ADS, GDT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	109,700	371,053 (16,064)	92,670 (4.0)	22.8	65.8	45.0	14.2	6.4	8.5	3.9	3.5	1.6	3.6	3.7	1.4
	VHM	VINHOMES JSC	95,600	314,478 (13,615)	225,208 (9.7)	26.9	11.8	10.0	34.2	36.8	30.9	3.7	2.8	3.9	9.0	12.6	6.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	33,300	75,668 (3,276)	261,931 (11.3)	18.6	33.4	24.1	-11.8	8.2	10.8	2.6	2.4	5.2	9.4	18.9	6.1
	NVL	NO VA LAND INVES	65,000	64,109 (2,776)	235,990 (10.2)	33.0	16.6	15.9	3.1	14.7	13.5	2.4	2.1	-0.2	-3.1	7.6	-1.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	29,400	16,429 (711)	50,534 (2.2)	10.9	15.1	13.2	13.9	14.0	15.1	2.0	1.9	0.2	3.3	9.1	0.3
	DXG	DAT XANH GROUP	17,000	8,811 (381)	121,173 (5.2)	13.7	15.7	8.5	-54.0	4.3	13.6	1.2	1.1	3.7	11.8	14.5	6.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	99,300	368,292 (15,945)	86,250 (3.7)	6.3	23.1	19.0	10.1	19.1	19.1	3.9	3.2	0.3	1.3	9.0	1.4
	BID	BANK FOR INVESTM	47,900	192,655 (8,341)	129,758 (5.6)	12.6	34.4	21.7	-7.2	9.3	12.2	2.4	2.2	-0.7	0.9	15.0	0.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	33,050	115,837 (5,015)	510,085 (22.1)	0.0	10.5	9.1	7.9	16.4	16.1	1.6	1.4	0.2	11.3	33.3	4.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	35,400	131,809 (5,706)	286,455 (12.4)	1.1	14.0	10.5	31.2	12.6	14.8	1.6	1.4	-0.3	3.2	2.0	2.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	34,350	84,321 (3,651)	192,217 (8.3)	0.0	9.4	8.1	9.1	18.6	18.3	1.7	1.4	0.4	6.3	23.6	5.7
	MBB	MILITARY COMMERC	25,150	69,744 (3,020)	394,559 (17.1)	0.1	9.0	7.9	10.5	18.5	17.8	1.5	1.3	5.0	9.1	20.0	9.3
	HDB	HDBANK	24,750	39,446 (1,708)	116,559 (5.0)	4.7	8.7	7.4	24.7	19.2	19.0	1.6	1.3	2.7	3.8	14.1	4.2
	STB	SACOMBANK	17,700	31,925 (1,382)	389,926 (16.9)	14.2	18.3	14.3	11.5	7.1	8.4	1.1	1.1	0.9	5.7	13.5	4.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,750	28,628 (1,239)	65,266 (2.8)	0.0	8.5	7.8	34.8	22.3	19.9	1.7	1.4	-0.2	3.2	26.7	3.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	19,500	23,974 (1,038)	8,425 (0.4)	0.0	28.1	32.1	13.6	5.3	4.4	1.4	1.4	0.0	3.7	14.4	1.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	66,000	48,993 (2,121)	84,039 (3.6)	20.6	39.0	31.3	4.0	6.6	8.2	2.5	2.3	-0.5	3.1	19.1	0.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	31,550	2,882 (125)	20,007 (0.9)	14.9	17.2	15.2	9.7	8.5	9.4	1.2	1.2	-0.6	6.2	3.4	3.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,750	20,217 (875)	333,966 (14.4)	53.7	17.5	16.4	-4.1	10.3	11.7	-	-	-0.1	5.5	68.3	2.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	62,800	10,400 (450)	73,153 (3.2)	71.6	-	-	-	11.1	13.0	-	-	4.1	16.3	43.9	7.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	31,600	9,639 (417)	165,056 (7.1)	52.5	-	-	-	11.0	17.1	-	-	-1.3	-1.1	28.7	0.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	30,100	6,276 (272)	92,390 (4.0)	17.4	-	-	-	7.4	11.2	-	-	-1.6	0.3	61.0	0.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	110,800	231,533 (10,024)	279,576 (12.1)	42.2	22.6	20.6	6.2	38.9	39.1	7.9	7.2	2.3	1.9	1.7	1.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	199,000	127,615 (5,525)	18,830 (0.8)	36.9	30.0	24.5	3.5	22.4	24.9	6.2	5.5	-0.2	1.0	-1.5	2.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	89,300	104,899 (4,541)	96,381 (4.2)	15.4	96.6	39.6	-52.5	3.5	8.8	3.3	3.1	0.4	8.4	3.8	0.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	15,550	17,238 (746)	85,707 (3.7)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	4.4	9.5	5.8	6.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	124,800	65,375 (2,830)	80,634 (3.5)	11.3	-	30.0	-	-4.3	14.1	4.5	4.0	-0.8	-0.1	5.3	-0.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,800	10,036 (434)	167,118 (7.2)	10.3	24.8	22.7	-53.1	7.1	7.5	1.7	1.6	2.1	5.6	17.4	3.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,300	5,326 (231)	59,871 (2.6)	41.5	11.8	11.0	136.8	9.1	8.9	1.0	0.9	0.7	12.6	22.5	4.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,490	1,413 (061)	24,147 (1.0)	46.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.0	1.6	12.7	-1.6
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	23,500	11,044 (478)	211,460 (9.1)	37.2	32.2	13.5	-17.7	11.3	12.4	-	-	2.6	2.0	13.5	4.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	76,500	5,836 (253)	103,300 (4.5)	2.8	11.7	10.6	-40.4	6.3	6.5	0.7	0.7	0.0	2.3	23.8	-1.5
	REE	REE	50,200	15,514 (672)	24,436 (1.1)	0.0	10.5	9.2	-8.7	13.4	13.6	1.3	1.2	-0.2	5.4	6.8	2.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,000	172,256 (7,458)	92,500 (4.0)	45.9	21.1	17.6	-14.9	17.0	19.3	3.5	3.5	1.4	3.6	5.3	3.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	24,650	7,096 (307)	16,572 (0.7)	30.3	11.2	10.4	-8.4	13.7	16.9	1.8	1.7	-0.8	0.6	3.6	0.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,550	7,871 (341)	8,201 (0.4)	33.7	10.3	9.4	-17.4	13.1	14.4	1.3	1.3	0.2	1.9	2.9	0.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	42,350	140,318 (6,075)	794,889 (34.4)	16.0	12.2	9.7	15.3	21.1	21.6	2.6	2.1	0.1	1.9	14.6	2.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	19,050	7,455 (323)	71,855 (3.1)	36.2	10.5	11.6	8.0	9.7	8.9	0.9	0.9	-0.8	1.9	10.4	1.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	14,100	7,465 (323)	61,003 (2.6)	46.2	13.2	17.3	-2.1	10.1	7.8	1.2	1.2	0.0	2.5	14.6	0.7
	HSG	HOA SEN GROUP	23,800	10,574 (458)	212,654 (9.2)	37.2	9.1	8.3	67.9	15.9	15.5	1.4	1.2	0.4	7.2	29.3	7.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,500	3,216 (139)	48,136 (2.1)	97.0	7.9	8.5	38.5	11.7	10.1	0.9	0.9	-0.3	2.8	13.3	0.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	55,100	67,157 (2,907)	50,302 (2.2)	4.2	59.6	20.0	-43.1	5.1	14.9	2.8	2.7	0.4	0.5	8.5	0.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,400	7,328 (317)	139,372 (6.0)	39.4	55.4	54.6	-6.2	0.9	0.9	0.5	0.5	0.6	13.0	28.9	7.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	14,450	4,677 (202)	50,981 (2.2)	34.7	9.1	8.8	-8.6	11.1	10.4	0.9	0.8	-0.7	4.3	12.5	3.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	121,900	55,173 (2,389)	125,121 (5.4)	0.0	14.3	11.0	12.9	28.1	28.7	3.5	2.9	1.1	3.9	7.0	2.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	81,300	18,491 (801)	60,022 (2.6)	0.0	18.9	15.4	3.4	21.5	22.5	3.6	3.2	-0.5	4.5	3.6	0.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	46,400	1,451 (063)	1,493 (0.1)	70.4	19.5	14.2	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	-0.9	0.2	-2.1	0.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	32,700	2,583 (112)	81,638 (3.5)	31.1	77.9	23.3	-48.9	2.8	9.3	2.1	2.1	1.2	-0.6	27.5	2.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	64,300	8,713 (377)	61,711 (2.7)	35.2	9.9	9.1	29.5	35.5	32.6	-	-	1.1	-0.2	-1.5	2.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	104,600	13,676 (592)	690 (0.0)	45.2	18.2	17.9	13.6	21.4	20.3	3.6	3.3	0.0	0.1	-1.0	0.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	76,000	5,701 (247)	1,521 (0.1)	11.7	-	-	-	-	-	-	-	-0.1	-0.5	1.2	-0.7
IT	FPT	FPT CORP	62,700	49,151 (2,128)	121,443 (5.3)	0.0	14.5	12.5	19.3	23.5	25.0	3.0	2.7	4.2	8.3	12.6	6.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.